BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

"Danh sách xét tạm thời tính đến ngày 20/11/2023, sinh viên liên hệ Văn phòng Khoa để rà soát và tổng hợp"

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH14NL								
1	14137085	Đinh Thành	Trọng	06/10/1995	Nam	2.30	Trung bình	
DH15TD								
1	15138045	Bùi Minh	Nhật	06/02/1997	Nam	2.22	Trung bình	
2	15138066	Nguyễn Minh	Thoại	30/03/1997	Nam	2.43	Trung bình	
DH16OT								
1	16154021	Phạm Hồng	Đức	05/10/1998	Nam	2.40	Trung bình	
DH17CK								
1	17118103	Nguyễn Thừa	Thi	13/02/1999	Nam	2.75	Khá	
DH17CKC								
1	17115069	Đặng Xuân	Minh	30/01/1999	Nam	2.43	Trung bình	
DH17TD								
1	17138009	Huỳnh Minh	Định	02/06/1999	Nam	2.66	Khá	
DH18CC								
1	18118033	Lê Phúc	Duy	15/05/2000	Nam	2.20	Trung bình	
DH18CD								
1	18153043	Nguyễn Thành	Long	30/08/2000	Nam	2.33	Trung bình	
DH18CK								
1	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	10/09/2000	Nam	2.44	Trung bình	
DH18NL								
1	18137021	Hồ Xuân	Hùng	02/02/2000	Nam	2.93	Khá	
2	18137026	Huỳnhđa	Lộc	06/02/2000	Nam	2.82	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18OT								
1	18154053	Trần Công	Khánh	28/01/2000	Nam	2.90	Khá	
2	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	07/09/2000	Nam	3.02	Khá	
DH18TD								
1	18138026	Phan Gia	Hiếu	13/07/2000	Nam	2.60	Khá	
2	18138036	Phan Trần Hoàng	Huy	29/10/2000	Nam	2.61	Khá	
3	18138040	Nguyễn Ngọc	Khải	21/04/2000	Nam	2.74	Khá	
DH19CC								
1	19118048	Dương Hoàng	Duy	30/11/2001	Nam	2.76	Khá	
2	19118061	Lê Lý	Hậu	20/10/2001	Nam	2.95	Khá	
3	19118188	Bùi Nguyễn	Quang	07/05/2001	Nam	3.08	Khá	
4	19118201	Nguyễn Tuấn	Tài	15/11/2001	Nam	2.64	Khá	
5	19118209	Nguyễn Thanh	Thắng	17/03/2001	Nam	2.90	Khá	
6	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trân	28/07/2001	Nữ	2.36	Trung bình	
7	19118254	Huỳnh Như	Trọng	29/12/2001	Nam	2.94	Khá	
DH19CD								
1	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	15/01/2001	Nam	2.67	Khá	
2	19153025	Lương Quang	Huy	02/02/2001	Nam	2.62	Khá	
3	19153072	Hồ Chí	Thanh	01/01/2001	Nam	2.68	Khá	
DH19CK								
1	19118118	Nguyễn Tùng	Lâm	26/12/2001	Nam	2.82	Khá	
2	19118242	Phan Đặng Hoài	Tình	11/04/2001	Nam	2.58	Khá	
DH19NL								
1	19137018	Phạm Duy	Hạnh	01/05/2001	Nam	2.89	Khá	
2	19137022	Phạm Văn Trí	Hùng	10/07/2001	Nam	2.59	Khá	
3	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	Quang	14/04/2001	Nam	2.82	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19OT								
1	19154007	Nguyễn Văn	Bình	21/02/2000	Nam	2.64	Khá	
2	19154019	Hồ Lê Tuấn	Danh	14/05/2001	Nam	2.54	Khá	
3	19154022	Nguyễn Xuân	Đạo	30/05/2001	Nam	2.88	Khá	
4	19154032	Võ Trùng	Dương	24/05/2001	Nam	2.90	Khá	
5	19154040	Đào Công	Hậu	03/08/2001	Nam	2.94	Khá	
6	19154061	Trần Quang	Huy	21/08/2001	Nam	2.85	Khá	
7	19154062	Trần Quốc	Huy	20/07/2001	Nam	2.59	Khá	
8	19154120	Lục Lưu	Phước	22/11/2001	Nam	2.51	Khá	
9	19154125	Võ Anh	Phương	09/01/2001	Nam	2.47	Trung bình	
10	19154134	Nguyễn Văn	Tài	12/02/2001	Nam	2.41	Trung bình	
11	19154146	Lê Thiện	Thành	23/12/2001	Nam	2.83	Khá	
12	19154147	Lê Văn	Thành	01/09/2001	Nam	3.00	Khá	
13	19154170	Hoàng Ngọc	Tình	25/07/2000	Nam	2.73	Khá	
14	19154171	Lý Ngọc	Toàn	29/07/2001	Nam	2.34	Trung bình	
15	19154173	Trần Hải	Triều	20/05/2001	Nam	2.66	Khá	
16	19154195	Nguyễn Ngọc	Vinh	06/01/2001	Nam	2.72	Khá	
DH19TD								
1	19138003	Nguyễn Thanh	Ban	03/08/2001	Nam	2.55	Khá	
2	19138018	Lê Minh	Hậu	20/05/2001	Nam	2.74	Khá	
3	19138060	Nguyễn Bảo	Phi	11/08/2001	Nam	2.79	Khá	
4	19138071	Nguyễn Bá	Thái	08/10/2001	Nam	2.75	Khá	
5	19138072	Trần Hoàng	Thái	05/12/2001	Nam	2.82	Khá	
6	19138073	Đỗ Quang	Thành	04/11/2001	Nam	3.00	Khá	
7	19138083	Nguyễn Thế	Trân	15/08/2001	Nam	2.91	Khá	
8	19138087	Nguyễn Trọng	Trung	20/03/2001	Nam	2.64	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Chăn nuôi Thú Y								
DH14TYB								
1	14112250	Huỳnh Phương	Quyên	27/08/1996	Nữ	2.44	Trung bình	
2	14112344	Nguyễn Văn Đức	Trọng	30/08/1996	Nam	2.30	Trung bình	
DH15TYNT								
1	15112396	Trần Công	Bằng	04/08/1996	Nam	2.17	Trung bình	
DH16CN								
1	16111121	Võ Đức	Nguyên	18/09/1998	Nam	2.41	Trung bình	
2	16111137	Võ Trọng	Pháp	09/09/1998	Nam	2.56	Khá	
DH16DY								
1	16112757	Lương Công	Vũ	19/10/1997	Nam	2.60	Khá	
DH16TA								
1	15111007	Nguyễn Hữu	Bắc	13/07/1997	Nam	2.81	Khá	
DH16TYNT								
1	16112811	Phan Thị Như	Phượng	22/02/1998	Nữ	2.91	Khá	
DH17CN								
1	17111086	Nguyễn Thị Diễm	Mi	16/06/1998	Nữ	2.61	Khá	
DH17DY								
1	17112228	Châu Thị Thùy	Trang	29/04/1999	Nữ	2.67	Khá	
DH17TT								
1	17112267	Trần Huỳnh Xuân	Thảo	24/08/1999	Nữ	3.28	Giỏi	
2	17112270	Trương Thị Thanh	Trúc	01/08/1999	Nữ	3.16	Khá	
DH17TY								
1	17112085	Tất Tân	Hy	25/04/1999	Nam	3.23	Giỏi	
2	17112136	Lê Công	Nhật	04/04/1999	Nam	3.05	Khá	
3	17112148	Nguyễn Ngọc	Nữ	20/12/1999	Nữ	2.66	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17TYGL								
1	17112406	Nguyễn Gia	Uyên	07/11/1999	Nữ	2.22	Trung bình	
DH17TYNT								
1	17112408	Nguyễn Tấn	Ngọc	12/05/1999	Nam	2.68	Khá	
DH18CN								
1	18111002	Khổng Thúy	Anh	07/07/2000	Nữ	2.43	Trung bình	
2	18111006	Võ Lê Quỳnh	Anh	18/02/2000	Nữ	2.28	Trung bình	
3	18111041	Phạm Dương Bảo	Hoàn	02/11/2000	Nữ	2.91	Khá	
4	18111121	Lê Quang	Thìn	05/03/2000	Nam	2.72	Khá	
DH18TA								
1	18111137	Lê Trung	Tú	11/07/2000	Nam	2.56	Khá	
DH18TY								
1	18112051	Nguyễn Duy	Hà	04/11/2000	Nữ	3.10	Khá	
2	18112103	Nguyễn Minh	Long	01/12/2000	Nam	2.56	Khá	
3	18112936	Phan Ngọc	Thảo	23/01/1998	Nữ	2.77	Khá	
DH19CN								
1	19111900	Nguyễn Văn	Hậu	17/02/1997	Nam	2.76	Khá	
DH19TY								
1	19112918	Lê Anh	Tuấn	05/02/1998	Nam	3.16	Khá	
Kinh tế								
DH14TM								
1	14122106	Nguyễn Thanh	Phát	27/12/1996	Nam	2.71	Khá	
DH15QTNT								
1	15122315	Huỳnh Minh	Thư	20/04/1997	Nam	2.53	Khá	
DH15TC								
1	15122270	Nguyễn Thị Tường	Vi	02/06/1997	Nữ	2.72	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH15TM								
1	15122127	Lê Thị Kim	Ngân	05/08/1997	Nữ	2.87	Khá	
DH16KE								
1	16123046	Hà Thị	Duyên	25/02/1998	Nữ	2.57	Khá	
DH16KM								
1	16120339	Đặng Thị	Huyền	05/11/1998	Nữ	2.63	Khá	
DH16KN								
1	16155061	Nguyễn Văn	Quyền	28/10/1997	Nam	2.89	Khá	
DH16QT								
1	16122140	Văn Tấn	Kiệt	06/07/1997	Nam	2.86	Khá	
DH17KE								
1	17123071	Trần Thị Uyển	Nhi	17/09/1999	Nữ	2.78	Khá	
DH17KN								
1	17155040	Trần Thị Yến	Nhi	07/08/1999	Nữ	2.82	Khá	
DH17KT								
1	17120026	Hà Xuân	Duy	01/06/1999	Nam	2.31	Trung bình	
2	17120092	Nguyễn Hoàng Kiều	Mi	17/07/1999	Nữ	2.75	Khá	
3	17120153	Hồ	Tây	18/07/1999	Nam	2.30	Trung bình	
DH17QT								
1	17122040	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/11/1999	Nữ	3.34	Giỏi	
2	17122200	Nguyễn Thị Sơn	Tuyền	12/08/1999	Nữ	3.03	Khá	
DH17QTC								
1	17122239	Nguyễn Thị Trúc	Linh	17/11/1999	Nữ	3.39	Giỏi	
DH18KE								
1	18123069	Bùi Vũ Thảo	My	12/11/2000	Nữ	2.90	Khá	
2	18123078	Lê Thị Kim	Ngân	30/11/2000	Nữ	2.62	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	18123086	Nguyễn Ngọc	Nhi	29/11/2000	Nữ	2.76	Khá	
DH18KM								
1	18120011	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/10/2000	Nữ	2.87	Khá	
DH18KN								
1	18155021	Lê Thị Lệ	Hằng	15/04/2000	Nữ	2.96	Khá	
DH18KT								
1	18120181	Lê Xuân	Phước	28/08/2000	Nam	3.23	Giỏi	
2	18120272	Nguyễn Đặng Thanh	Tuyền	15/11/2000	Nữ	2.98	Khá	
DH18QT								
1	18122194	Trần Thị	Oanh	21/01/2000	Nữ	2.91	Khá	
2	18122371	Đỗ Thị Như	Ý	23/05/2000	Nữ	3.09	Khá	
DH18QTC								
1	18122002	Nguyễn Thái	An	23/07/1998	Nam	3.09	Khá	
DH18TM								
1	18122108	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ	29/04/2000	Nữ	3.09	Khá	
2	18122140	Nguyễn Hà	Ngân	12/01/2000	Nữ	3.35	Giỏi	
DH19KE								
1	19123063	Mai Thị Kim	Lộc	20/10/2001	Nữ	2.84	Khá	
2	19123089	Nguyễn Lan	Nhi	24/02/2001	Nữ	3.24	Giỏi	
3	19123099	Nguyễn Thị Tố	Như	06/09/2001	Nữ	2.74	Khá	
4	19123141	Mai Thị Minh	Thư	17/06/2001	Nữ	2.90	Khá	
5	19123160	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm	08/05/2001	Nữ	2.61	Khá	
6	19123164	Trương Thị Bảo	Trân	09/10/2001	Nữ	2.84	Khá	
DH19KEGL								
1	19123202	Võ Thị Kim	Thoa	20/06/2001	Nữ	3.25	Giỏi	
2	19123266	Lê Thị Anh	Thi	06/01/2000	Nữ	2.75	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	19125543	Hoàng Thị Huyền	Trang	27/04/2001	Nữ	3.22	Giỏi	
DH19KENT								
1	19123269	Lê Dương Hoàng	Ngân	05/12/2001	Nữ	2.53	Khá	
2	19123271	Phan Thị Kim	Yến	19/01/2001	Nữ	2.92	Khá	
DH19KM								
1	19120157	Huỳnh Thị Kim	Phương	27/12/2001	Nữ	2.79	Khá	
2	19120191	Võ Thị Thanh	Thịnh	15/10/2001	Nữ	2.74	Khá	
3	19120212	Tăng Thị	Tính	16/06/2001	Nữ	2.98	Khá	
DH19KN								
1	19155005	Trần Minh	Anh	16/05/2001	Nữ	2.96	Khá	
2	19155030	Cao Thị Mỹ	Hương	08/07/2001	Nữ	2.86	Khá	
3	19155031	Lê Minh	Huy	19/12/2001	Nam	2.91	Khá	
4	19155076	Trần Bảo	Sương	18/08/2001	Nữ	2.68	Khá	
5	19155077	Trần Thị Thảo	Sương	21/09/2001	Nữ	2.73	Khá	
6	19155103	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/05/2001	Nữ	3.23	Giỏi	
DH19KT								
1	19120007	Nguyễn Thị Quế	Anh	17/01/2001	Nữ	3.00	Khá	
2	19120043	Lê Thị Việt	Hà	29/12/2001	Nữ	3.15	Khá	
3	19120098	Trần Thị Kim	Liên	12/06/2001	Nữ	3.13	Khá	
4	19120195	Thái Thị Xuân	Thời	27/03/2001	Nữ	3.43	Giỏi	
5	19120249	Nguyễn Thị Tường	Vi	18/01/2001	Nữ	3.03	Khá	
DH19PT								
1	19121014	Võ Ngọc Thảo	Ngân	02/01/2001	Nữ	2.91	Khá	
DH19QT								
1	19122020	Đinh Nhân	Đạo	25/04/2001	Nam	3.12	Khá	
2	19122147	Đinh Hoàng Thảo	Ngân	02/01/2001	Nữ	3.22	Giỏi	
3	19122251	Lý Thị Minh	Thư	10/07/2001	Nữ	3.38	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	19122280	Trần Thị Quế	Trân	21/10/2001	Nữ	3.00	Khá	
5	19122299	Nguyễn Hoàng	Tuấn	06/12/2001	Nam	3.23	Giỏi	
DH19QTC								
1	19122332	Trần Thị Trâm	Anh	12/07/2001	Nữ	3.52	Giỏi	
DH19QTNT								
1	19120278	Trần Thị Hồng	Ân	27/12/2000	Nữ	3.07	Khá	
2	19120280	Phạm Hải	Yến	23/08/2001	Nữ	2.60	Khá	
3	19122407	Nguyễn Thị	Kim	10/05/2000	Nữ	3.01	Khá	
4	19125558	Huỳnh Thị Thu	Cúc	20/10/2001	Nữ	3.38	Giỏi	
DH19TM								
1	19122079	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02/08/2001	Nữ	3.14	Khá	
2	19122084	Nguyễn Xuân	Khanh	30/04/2001	Nam	3.14	Khá	
3	19122145	Huỳnh Như	Ngàn	20/09/2001	Nữ	3.38	Giỏi	
4	19122198	Lê Thị Mỹ	Phụng	12/04/2001	Nữ	3.39	Giỏi	
5	19122263	Nguyễn Thị	Thúy	06/05/2001	Nữ	3.19	Khá	
6	19122305	Nguyễn Ánh	Tuyết	08/10/2000	Nữ	2.85	Khá	
7	19122326	Lê Thị Như	Ý	18/03/2001	Nữ	3.02	Khá	
Lâm nghiệp								
DH17GN								
1	17115136	Huỳnh Tùng	Vũ	12/12/1999	Nam	2.72	Khá	
DH18LN								
1	18114007	Huỳnh Thị Mỹ	Hồng	09/02/2000	Nữ	3.27	Giỏi	
DH18QR								
1	18164005	Lê Văn	Gem	26/04/2000	Nam	3.26	Giỏi	
DH19CB								
1	19115060	Phạm Nguyễn Tấn	Lộc	04/06/2001	Nam	2.92	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	19115142	Lê Đình	Văn	26/02/2001	Nam	3.03	Khá	
DH19LN								
1	19114029	Trần Phước	Tới	03/08/2001	Nam	2.76	Khá	
Môi trường và Tài nguyên								
DH15MT								
1	15127105	Biện Văn	Sâm	10/09/1997	Nam	2.86	Khá	
DH16CH								
1	16131141	Bùi Quang	Nghĩa	15/04/1997	Nam	2.77	Khá	
2	16131207	Trần Thị Hồng	Thắm	28/02/1998	Nữ	2.63	Khá	
DH16MT								
1	16127081	Nguyễn Thị Kim	Nhung	03/05/1998	Nữ	2.98	Khá	
DH16TK								
1	16131249	Nguyễn Thị Bích	Trâm	19/05/1998	Nữ	3.03	Khá	
DH17MT								
1	17127063	Lê Lưu Quốc	Thắng	10/10/1999	Nam	2.40	Trung bình	
DH17QM								
1	17149089	Phạm Thị Ái	My	04/02/1999	Nữ	2.83	Khá	
DH17TK								
1	17131134	Hoàng Thị Anh	Trâm	02/05/1997	Nữ	2.81	Khá	
DH18MT								
1	18127012	Huỳnh Thị	Diệu	20/12/2000	Nữ	3.43	Giỏi	
2	18127025	Phạm Quốc	Kiên	26/06/2000	Nam	2.50	Khá	
DH18QM								
1	18149064	Phạm Lê Ngọc	Phượng	05/12/2000	Nữ	3.11	Khá	
DH18TK								
1	18131006	Lương Ngọc	Diễm	26/01/2000	Nữ	3.21	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	18131053	Ngô Thị Thu	Sang	29/02/2000	Nữ	3.05	Khá	
3	18131065	Đặng Thị Cẩm	Tiên	10/08/2000	Nữ	3.29	Giỏi	
DH19QM								
1	19149071	Trần Hoàng	Phúc	12/11/2001	Nam	2.89	Khá	
Nông học								
BH17NH								
1	17613004	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	06/11/1993	Nữ	2.74	Khá	
DH15NHA								
1	15113039	Hoàng Văn	Hiệp	15/02/1997	Nam	2.75	Khá	
DH15NHB								
1	15113040	Phạm Đại	Hiệp	01/12/1997	Nam	2.67	Khá	
DH15NHGL								
1	15113154	Nguyễn Xuân	Dâng	17/10/1997	Nữ	2.53	Khá	
DH16NHGL								
1	16113187	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/09/1998	Nữ	2.61	Khá	
DH17NHA								
1	17113015	Đỗ Tấn	Đạt	15/05/1999	Nam	2.29	Trung bình	
2	17113191	Phan Tấn	Thành	19/12/1999	Nam	2.66	Khá	
DH17NHGL								
1	17125449	Nguyễn Thành	An	21/03/1999	Nam	2.51	Khá	
DH18BV								
1	18145071	Cao Anh	Thư	27/10/2000	Nữ	3.16	Khá	
DH18NHA								
1	18113070	Nguyễn Xuân	Kỳ	12/05/2000	Nam	3.25	Giỏi	
2	18113172	Đỗ Hữu	Tính	04/09/2000	Nam	3.06	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18NHB								
1	18113026	Nguyễn Thanh	Hà	21/10/1999	Nam	3.23	Khá	
2	18113037	Trần Thị Thu	Hiền	04/06/2000	Nữ	2.77	Khá	
3	18113133	Nguyễn Văn	Qui	29/11/2000	Nam	2.82	Khá	
4	18113145	Trần Ngọc Công	Tân	29/07/2000	Nam	2.76	Khá	
5	18113173	Trần Duy	Toàn	05/03/2000	Nam	3.19	Khá	
DH19BV								
1	19145035	Đào Điền	Khang	30/07/2001	Nam	2.97	Khá	
2	19145050	Diệp Huỳnh Ngọc	My	08/06/2001	Nữ	3.15	Khá	
3	19145103	Nguyễn Thị Kim	Uyên	29/06/2001	Nữ	3.28	Giỏi	
DH19NHA								
1	19113020	Đặng Lê Hải	Đăng	25/10/2001	Nữ	3.25	Giỏi	
2	19113027	Phùng Ngọc	Điệp	14/10/2001	Nữ	3.32	Giỏi	
3	19113038	Nguyễn Hoàng	Giang	23/12/2001	Nam	2.76	Khá	
4	19113090	Trần Quốc	Lý	16/04/2001	Nam	3.28	Giỏi	
5	19113104	Nguyễn Vịnh	Nghi	10/03/2001	Nữ	3.06	Khá	
6	19113108	Nguyễn Hiền	Nhân	04/01/2001	Nam	2.97	Khá	
7	19113172	Phạm Quốc	Trường	11/01/2001	Nam	3.61	Xuất sắc	
DH19NHB								
1	19113007	Nguyễn Thái	Bình	06/06/2001	Nam	2.74	Khá	
2	19113043	Hỷ Nhật	Hào	13/03/2001	Nam	3.05	Khá	
3	19113101	Nguyễn Viết	Nam	20/12/2001	Nam	2.90	Khá	
4	19113121	Nguyễn Kim	Oanh	12/10/2001	Nữ	3.44	Giỏi	
5	19113149	Lê Thị Kim	Thoa	11/12/2001	Nữ	3.36	Giỏi	
6	19113155	Phạm Thị Thanh	Thương	07/12/2001	Nữ	3.32	Giỏi	
7	19113185	Lê Kiều Phi	Yến	12/09/2001	Nữ	3.34	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19NHGL								
1	19113190	Lê Văn	Sơn	14/05/2001	Nam	2.79	Khá	
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH17AV								
1	17128106	Trần Nguyên Uyên	Phương	03/09/1999	Nữ	2.58	Khá	
DH17SP								
1	17132037	Nguyễn Thị	Ly	25/09/1999	Nữ	3.02	Khá	
2	17132068	Nguyễn Vinh	Trung	25/05/1999	Nam	2.65	Khá	
DH18AV								
1	18128001	Hà Thúy	An	13/03/2000	Nữ	2.48	Trung bình	
2	18128185	Lê Bảo	Trân	09/07/2000	Nữ	2.98	Khá	
DH19AV								
1	19128082	Phạm Thị Phương	Linh	24/12/2001	Nữ	2.81	Khá	
2	19128089	Nguyễn Kim	Luyến	25/12/2001	Nữ	3.02	Khá	
3	19128092	Bùi Hoàng Xuân	Mai	20/10/2001	Nữ	2.68	Khá	
4	19128167	Nguyễn Minh	Thư	29/06/2001	Nữ	3.12	Khá	
5	19128172	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	14/05/2001	Nữ	2.46	Trung bình	
6	19128175	Võ Nguyễn Bích	Thủy	25/09/2001	Nữ	2.94	Khá	
7	19128213	Bùi Dương Thảo	Vy	28/04/2001	Nữ	2.81	Khá	
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH14QLB								
1	14124295	Chu Thị Thu	Thảo	12/03/1996	Nữ	2.65	Khá	
DH18QL								
1	18124038	Thái Trần Gia	Hân	22/08/2000	Nữ	2.80	Khá	
2	18124126	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/09/2000	Nữ	2.71	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19QD								
1	19124069	Nguyễn Ngọc	Duyên	10/06/2001	Nữ	2.77	Khá	
2	19124169	Huỳnh Ngọc Xuân	Ngân	24/12/2001	Nữ	2.91	Khá	
3	19124215	Nguyễn Xuân	Phúc	28/09/2001	Nam	2.72	Khá	
4	19124320	Huỳnh Thị Phi	Vân	03/02/2001	Nữ	2.99	Khá	
DH19QL								
1	19124065	Nguyễn Vũ Hoài	Duy	01/10/2001	Nam	2.86	Khá	
2	19124172	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	07/03/2001	Nữ	2.77	Khá	
3	19124243	Dương Minh	Tân	17/04/2000	Nam	2.99	Khá	
4	19124311	Nguyễn Huỳnh Minh	Tuấn	28/03/2001	Nam	2.71	Khá	
DH19TB								
1	19124231	Dương Thị Kiên	Quyết	22/04/2000	Nữ	2.72	Khá	
2	19124269	Lê Thanh	Thơm	26/09/2001	Nữ	3.05	Khá	
3	19124329	Thủy Ngọc	Vĩnh	16/01/2001	Nam	3.37	Giỏi	
LT18QL								
1	18424001	Trần Kim Ngọc	Ánh	10/02/1994	Nữ	2.60	Khá	
2	18424010	Trần Trung	Hiếu	02/05/1994	Nữ	2.76	Khá	
Khoa học sinh học								
DH14SHB								
1	14126082	Võ Thị Mộng	Hồng	18/01/1996	Nữ	2.77	Khá	
DH15SHB								
1	15126051	Dương	Khánh	29/07/1997	Nam	2.74	Khá	
DH16SH								
1	16126127	Huỳnh Dạ Thảo	Như	31/08/1998	Nữ	2.88	Khá	
2	16126225	Khê Văn	Sơn	16/02/1997	Nam	2.48	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17SHB								
1	17126010	Phạm Nguyễn Ngọc	Châu	28/09/1999	Nữ	3.43	Giỏi	
DH18SHA								
1	18126039	Ngô Thanh	Hạnh	03/05/2000	Nam	3.45	Giỏi	
2	18126064	Vũ Hoàng	Huy	21/03/2000	Nam	3.43	Giỏi	
3	18126137	Lê Huỳnh Minh	Quyên	02/10/2000	Nữ	3.22	Giỏi	
DH18SHB								
1	18126120	Huỳnh Huỳnh	Như	30/10/2000	Nữ	3.19	Khá	
2	18126178	Lê Bùi Trung	Tín	13/05/2000	Nam	2.89	Khá	
DH18SHD								
1	18126031	Huỳnh Thị Hồng	Gấm	16/02/2000	Nữ	3.07	Khá	
2	18126113	Trương Thanh Kim	Nguyệt	13/04/2000	Nữ	3.02	Khá	
DH18SM								
1	18126112	Trần Ngọc Thảo	Nguyên	15/10/2000	Nữ	3.03	Khá	
DH19SHA								
1	19126163	Trần Nguyễn Minh	Thanh	21/05/2001	Nữ	3.15	Khá	
2	19126230	Nguyễn Quốc	Vinh	14/07/2001	Nam	3.32	Giỏi	
DH19SHB								
1	19126151	Lê Thị Tú	Sương	30/06/2001	Nữ	3.68	Xuất sắc	
DH19SHD								
1	19126046	Phùng Thị	Hậu	08/01/2001	Nữ	3.17	Khá	
Công nghệ thông tin								
DH14DTB								
1	14130298	Đỗ Anh	Quốc	14/11/1996	Nam	2.54	Khá	
DH16DTA								
1	16130459	Nguyễn Tôn	Mẫn	19/06/1998	Nam	2.31	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17DTB								
1	17130143	Nguyễn Khánh	Nguyên	01/01/1999	Nam	2.23	Trung bình	
DH17DTC								
1	17130249	Nguyễn Quốc	Toàn	20/09/1999	Nam	2.52	Khá	
DH18DTB								
1	18130108	Nguyễn Du	Khánh	20/07/2000	Nam	2.49	Trung bình	
2	18130192	Huỳnh Ái	Quốc	04/01/2000	Nam	2.69	Khá	
DH18DTC								
1	18130048	Nguyễn Duy	Dung	22/02/2000	Nam	2.39	Trung bình	
2	18130284	Nguyễn Hoàng	Vinh	08/09/2000	Nam	2.95	Khá	
DH19DTA								
1	19130004	Lê Hoàng	Ân	23/08/2001	Nam	2.79	Khá	
2	19130066	Nguyễn Văn Phước	Hậu	09/07/2001	Nam	3.06	Khá	
3	19130069	Huỳnh Minh	Hiếu	13/01/2001	Nam	2.38	Trung bình	
4	19130091	Đặng Thái	Kế	19/03/2001	Nam	2.19	Trung bình	
5	19130172	Nguyễn Công	Phúc	20/04/2001	Nam	2.71	Khá	
6	19130173	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/06/2001	Nam	2.32	Trung bình	
7	19130207	Nguyễn Trí	Thành	04/02/2001	Nam	2.48	Trung bình	
8	19130230	Nguyễn Triều	Tiên	29/10/2001	Nam	2.38	Trung bình	
DH19DTB								
1	19130112	Nguyễn Thế	Kiệt	22/01/2001	Nam	2.75	Khá	
2	19130247	Võ Quang	Triều	16/04/2001	Nam	2.22	Trung bình	
DH19DTC								
1	19130042	Nguyễn Trường	Đình	02/04/2001	Nam	2.61	Khá	
2	19130102	Lê Trọng	Khiêm	16/04/2001	Nam	2.73	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH13BQGL								
1	13125732	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	05/01/1995	Nữ	2.27	Trung bình	
DH15HT								
1	15139063	Hồ Lê Thùy	Linh	25/08/1997	Nữ	2.98	Khá	
DH16TP								
1	16125051	Ngô Minh	Phong	09/10/1997	Nam	2.99	Khá	
DH16VT								
1	16125544	Nguyễn Minh	Tú	02/11/1997	Nam	2.53	Khá	
DH17HS								
1	17139018	Diệp Tuấn	Đạt	09/10/1999	Nam	2.35	Trung bình	
DH17HT								
1	17139087	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/07/1999	Nữ	2.85	Khá	
2	17139182	Đàng Gia	Linh	15/02/1998	Nữ	2.79	Khá	
DH18BQ								
1	18125076	Huỳnh Thanh	Giàu	13/06/2000	Nam	3.00	Khá	
2	18125203	Đinh Hoàng Tuyết	Ngân	23/04/2000	Nữ	2.70	Khá	
3	18125331	Ka	Thiếp	30/06/2000	Nữ	2.70	Khá	
DH18DD								
1	18125086	Văn Viết	Hải	18/07/2000	Nam	2.65	Khá	
2	18125291	Hứa Như	Quỳnh	14/12/2000	Nữ	2.88	Khá	
DH18HS								
1	18139091	Phạm Thị Hồng	Ly	04/04/2000	Nữ	2.81	Khá	
2	18139116	Đinh Thị Hồng	Ngọc	12/05/2000	Nữ	3.05	Khá	
3	18139152	Võ Thị Kim	Phụng	16/01/2000	Nữ	2.81	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18TP								
1	18125489	Bùi Thị Diễm	Trinh	12/08/2000	Nữ	2.64	Khá	
DH18VT								
1	18125029	Nguyễn Huỳnhhoàng	Châu	01/02/2000	Nữ	3.18	Khá	
DH19BQ								
1	19125173	Nguyễn Hoàng	Lợi	06/10/2001	Nam	3.53	Giỏi	
2	19125294	Lê Thị	Quyến	05/01/2001	Nữ	2.76	Khá	
3	19125396	Trần Thị Bích	Trâm	09/07/2001	Nữ	3.13	Khá	
4	19125437	Hồ Thị Thu	Uyên	18/04/2001	Nữ	2.83	Khá	
DH19BQC								
1	19125496	Lê Thanh	Tiền	20/05/2001	Nữ	2.96	Khá	
2	19125503	Phạm Ngọc Thảo	Vy	10/01/2001	Nữ	3.42	Giỏi	
DH19DD								
1	19125008	Lê Thị Kim	Anh	15/07/2001	Nữ	2.78	Khá	
2	19125051	Nguyễn Thị Phương	Diệu	15/03/2001	Nữ	3.04	Khá	
3	19125061	Hỷ Thùy	Dương	04/05/2001	Nữ	2.94	Khá	
4	19125135	Nguyễn Thị Kim	Khánh	01/01/2001	Nữ	3.19	Khá	
5	19125231	Dương Thành	Nhân	16/09/2001	Nam	2.99	Khá	
6	19125355	Phạm Nam	Thư	16/04/2001	Nữ	2.75	Khá	
7	19125386	Nguyễn Phước	Tiến	27/10/2001	Nam	3.18	Khá	
8	19125461	Võ Thị	Xuân	01/05/2001	Nữ	2.59	Khá	
DH19HD								
1	19139003	Nguyễn Thanh	An	16/03/2001	Nam	2.50	Khá	
2	19139042	Nguyễn Thanh	Hiền	01/06/2001	Nam	2.58	Khá	
3	19139047	Lê Thái	Hòa	03/04/2001	Nam	2.85	Khá	
4	19139131	Lê Bùi Trúc	Phương	05/10/2001	Nữ	3.10	Khá	
5	19139164	Võ Thị Mỹ	Thương	13/12/2001	Nữ	3.00	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	19139186	Phạm Thị Tuyết	Trinh	09/06/2001	Nữ	2.91	Khá	
DH19HS								
1	19139206	Hồ Nhã	Vy	16/10/2001	Nữ	2.99	Khá	
DH19HT								
1	19139034	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	23/09/2001	Nữ	2.98	Khá	
2	19139079	Phạm Nguyễn Trường	Luật	01/01/2001	Nam	3.24	Giỏi	
3	19139213	Nguyễn Ngọc Như	Ý	03/07/2001	Nữ	3.12	Khá	
DH19VT								
1	19125119	Hà Hữu	Huy	25/07/2001	Nam	3.06	Khá	
2	19125171	Phan Thị Yến	Loan	14/08/2001	Nữ	2.96	Khá	
3	19125215	Lê Phương Linh	Ngọc	23/10/2001	Nữ	3.15	Khá	
4	19125229	Hà Thị Thanh	Nhàn	18/09/2001	Nữ	3.08	Khá	
5	19125280	Nguyễn Lâm Thanh	Phúc	13/06/2001	Nam	2.68	Khá	
6	19125292	Lê Thị	Quyên	08/08/2001	Nữ	2.81	Khá	
7	19125343	Nguyễn Thị Oanh	Thi	26/09/2001	Nữ	2.94	Khá	
Thủy sản								
DH16KS								
1	16116155	Lâm Sư Cẩm	Phương	15/10/1998	Nữ	2.91	Khá	
DH16NT								
1	16116149	Nguyễn Toàn Gia	Phúc	25/03/1998	Nam	2.04	Trung bình	
DH16NY								
1	16116230	Dương Khải	Tường	06/01/1998	Nam	3.01	Khá	
DH18CT								
1	18117075	Nguyễn Tấn	Trí	12/04/2000	Nam	2.94	Khá	
2	18117085	Nguyễn Thị Như	Ý	28/03/2000	Nữ	3.10	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18NY								
1	18116002	Phan Trường	An	16/06/2000	Nam	2.30	Trung bình	
2	18116040	Nguyễn Thành	Long	07/02/2000	Nam	2.60	Khá	
DH19CT								
1	19117015	Thái Trần Thu	Hà	05/06/2001	Nữ	2.83	Khá	
2	19117089	Lê Thành	Tính	14/09/2001	Nam	2.50	Khá	
3	19117092	Nguyễn Ngọc	Trân	21/02/2001	Nữ	2.46	Trung bình	
4	19117100	Phạm Thị Thảo	Vi	26/09/2001	Nữ	2.67	Khá	
DH19NT								
1	19116061	Đinh Thị Trúc	Linh	15/12/2001	Nữ	2.86	Khá	
2	19116062	Nguyễn Quang	Linh	18/04/2001	Nam	2.53	Khá	
DH19NTNT								
1	18113220	Dương Thị Mỹ	Chi	10/12/2000	Nữ	2.90	Khá	
2	19116176	Võ Ngọc	Tú	26/11/2001	Nam	3.03	Khá	
DH19NY								
1	19116031	Trần Anh	Duy	01/01/2001	Nam	2.58	Khá	
2	19116057	Trần Nhã	Khanh	15/06/2001	Nữ	2.59	Khá	
3	19116108	Cù Thị Hồng	Thắm	09/04/2001	Nữ	2.80	Khá	
4	19116116	Trần Ái	Thơ	29/12/2001	Nữ	2.59	Khá	

HIỆU TRƯỞNG